TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60**/2023/DS-ST
Ngày: 26 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà O. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông P. Địa chỉ: Ấp A, xã B, C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2.2. Bà T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà T: Bà T1. Địa chỉ: Ấp A2, xã B2, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2023, bà Trinh vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà O trình bày:* Bà O có tham gia dây hụi do ông P và bà T làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/12/2021 âm lịch, có 21 phần, bà O tham gia 01 phần trong giấy hụi để tên "O (R)", đóng được 10 lần với số tiền 10.000.000 đồng, đến lần thứ 11 (khoảng tháng 10/2022 âm lịch) thì ông P và bà T

ngưng không khui hụi nữa và bà O vẫn chưa hốt hụi, ông P và bà T còn nợ bà O 10.000.000 đồng.

Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 29/11/2021 âm lịch, có 21 phần, bà O tham gia 01 phần trong giấy hụi để tên "Quanh (Rẩy)", đóng được 05 lần với số tiền 5.000.000 đồng, đến lần thứ 06 (khoảng tháng 4/2022 âm lịch) thì ông P và bà T ngưng không khui hụi nữa và bà O vẫn chưa hốt hụi, ông P và bà T còn nợ bà O 5.000.000 đồng.

Việc khui hụi diễn ra ngay tại nhà của ông P và bà T tại ấp A, xã B, huyện C, do ông P bận đi làm không có mặt ở nhà nên bà O đóng hụi trực tiếp cho bà T. Ông P và bà T cùng làm chủ hụi, trong giấy hụi để tên chủ hụi là bà T và danh sách hụi viên có để tên ông P tham gia. Khi kêu bà O tham gia chơi hụi thì bà T cũng có nói hụi do bà T và ông P cùng làm chủ. Hiện nay, ông P không đồng ý chịu trách nhiệm gì về 02 dây hụi này trong khi đó cả ông P và bà T cùng đứng ra mở hụi.

Nay bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P và bà T cùng có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông P trình bày:* Trong thời gian sống chung và còn là vợ chồng, ông P có biết bà T tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi, nhưng ông P không có cùng bà T tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi và không biết rõ bà T làm chủ bao nhiêu dây hụi và ai tham gia các dây hụi do bà T làm chủ hụi. Bà T tiến hành khui hụi ngay tại nhà của ông P và bà T tại ấp A, xã B, huyện C, ông P cũng có nói là không đồng ý nhưng bà T không nghe và ông P cũng không có ngăn cản gì. Ông P làm thuê cho vật liệu xây dựng Tấn Lợi ở ấp A1, xã B1, huyện Kế Sách, công việc chính là bốc vác, lương được trả theo ngày, hưởng lương theo sản phẩm, thu nhập bình quân mỗi tháng của ông P là khoảng 7.500.000 đồng. Các chi phí sinh hoạt hàng ngày trong gia đình bà T cũng có tham gia lo liệu cùng với ông P.

Nay ông P không đồng ý cùng với bà T trả cho bà O số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T (do bà T1 là người đại diện hợp pháp) trình bày:* Số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà O là của 02 dây hụi: Dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10/12/2021 âm lịch có 21 phần, bà O tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 10 lần; Dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 29/11/2021 âm lịch có 21 phần, bà O tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 05 lần. Bà T thừa nhận có nợ bà O và cũng đồng ý trả cho bà O số tiền này. Do bà T bị bể hụi nên không có khả năng trả số tiền này cho bà O.

Đây là khoản nợ chung của bà T và ông P. Việc bà T tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi công khai tại ấp A, xã B, huyện C, việc khui, hốt hụi được tiến hành ngay tại nhà của bà T và ông P, khi đó bà T và ông P còn là vợ chồng và sống chung một nhà, ông P biết rõ và cũng đồng ý cho bà T trực tiếp đứng ra tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi, vì số tiền bà T có được từ việc tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi là nhằm tạo ra thu nhập để phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt chung trong gia đình, chăm lo cho con cái ăn học chứ bà T không chỉ sử dụng cho riêng cá nhân bà T. Ông P

cũng có đứng ra khui hụi và gom hụi cùng bà T. Việc này có nhiều hụi viên tham gia các dây hụi do bà T làm chủ hụi biết rõ. Khi ly hôn tại Tòa án do bà T và ông P dự tính sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung với nhau ngoài Tòa án, nên bà T mới trình bày với Tòa án là bà T và ông P không có tài sản chung và nợ chung.

Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông P phải cùng với bà T có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng.

Do bận nhiều công việc không có thời gian đến tham dự phiên tòa, nên bà Trinh đề nghị được phép vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan bà Trinh vẫn giữ nguyên theo những lời trình bày có trong hồ sơ và cam kết không khiếu nại gì về sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà O vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc ông P và bà T cùng có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện, bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P và bà T cùng có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; TAND huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn ông P và bà T có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C; TAND huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, do có nhầm lẫn nên TAND huyện Kế Sách xác định địa chỉ cư trú của nguyên đơn bà O tại ấp A, xã B, huyện C là chưa chính xác; Hội đồng xét xử xác định lại địa chỉ cư trú của nguyên đơn bà O tại ấp A1, xã B1, huyện Kế Sách.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà T là bà T1 vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt; việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về số tiền nợ hụi: Bà O và bà T thống nhất thừa nhận bà O có tham gia chơi dây hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/12/2021 âm lịch và dây hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 29/11/2021 âm lịch do bà T làm chủ hụi; khi hụi chưa mãn và bà O chưa được hốt hụi thì bà T ngưng không khui hụi nữa; hiện nay, đối với 02 dây hụi này bà T còn nợ bà O số tiền là 15.000.000 đồng và cũng đồng ý trả số tiền này cho bà O. Sự thừa nhận này của bà O và bà T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và là tình tiết, sự kiện mà các bên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, có căn cứ xác định việc bà T làm chủ hụi, tổ chức việc chơi hụi có sự tham gia của bà O nhưng bà T đã không duy trì được đến ngày hụi mãn, là sự việc có thật. Do bà T đã có lỗi trong việc vi phạm thỏa thuận về góp hụi, vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi khi không duy trì được đến ngày hụi mãn, số tiền góp hụi của các hụi viên chưa được tính toán để hoàn lại, chính sự vi phạm nghĩa vụ này đã trực tiếp gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà O, nên việc bà O khởi kiện yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm trả số tiền nợ hụi: Hiện nay, bà O và bà T đều yêu cầu ông P phải cùng với bà T có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông P cho rằng không có cùng bà T tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi và không biết rõ bà T làm chủ bao nhiêu dây hụi và ai tham gia các dây hụi do bà T làm chủ hụi, nên ông P không đồng ý cùng với bà T trả cho bà O số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng. Xét thấy, bà O cho rằng bà T và ông P cùng làm chủ hụi, khi tham gia chơi hụi bà T và ông P là vợ chồng và bà T có nói hụi do bà T và ông P cùng làm chủ hụi và danh sách hụi viên có để tên ông P tham gia; việc khui hụi diễn ra ngay tại nhà của bà T và ông P. Còn bà T cho rằng số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng là nợ chung của bà T và ông P, việc bà T tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi công khai tại ấp A, xã B, huyện C; việc khui, hốt hụi được tiến hành ngay tại nhà của bà T và ông P, khi đó bà T và ông P còn là vợ chồng và sống chung một nhà, ông P biết rõ và cũng đồng ý cho bà T trực tiếp đứng ra tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi, vì số tiền bà T có được từ việc tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi là nhằm tạo ra thu nhập để phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt chung trong gia đình, chăm lo cho con cái ăn học chứ bà T không chỉ sử dụng cho riêng cá nhân bà T. Lời trình bày của bà O và bà T phù hợp với xác nhận của ông S và bà X là các hụi viên có tham gia các dây hụi do bà T làm chủ hụi và bà D là đại diện Ban nhân dân ấp A, xã B, huyện C tại các Biên bản xác minh ngày 08/5/2023 (BL số 43-46), theo đó bà T bị bể hụi và nợ tiền hụi của nhiều người ở địa phương và có một số người đã khởi kiện bà T và ông P để đòi tiền nợ hụi; tại thời điểm bà T tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi thì bà T và ông P là vợ chồng, sống chung một nhà và việc tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi diễn ra công khai tại ấp A, xã B, huyện C, có nhiều người tham gia, việc khui, hốt hụi tổ chức ngay tại nhà của bà T và ông P. Ông P cũng thừa nhận có biết bà T tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi và bà T tiến hành khui hụi ngay tại nhà của ông P và bà T, ông P cũng không có ngăn cản gì, các chi phí sinh hoạt hàng ngày trong gia đình bà T cũng có tham gia lo liệu cùng với ông P. Như vậy, có căn cứ xác định ông P đã biết và đồng thuận với việc bà T tổ chức chơi hụi, làm

chủ hụi; mục đích bà T tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi là nhằm tạo ra thu nhập để phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt chung trong gia đình, nên đây là nợ chung của bà T và ông P. Do đó, việc bà O khởi kiện yêu cầu ông P phải cùng với bà T có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vấn đề tiền lãi: Bà O không yêu cầu giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, giải quyết buộc ông P và bà T phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền nợ hụi 15.000.000 đồng.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà O không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; ông P và bà T phải cùng chịu án phí sơ thẩm là 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng tương ứng trên số tiền nợ hụi bị Tòa án buộc trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O về việc yêu cầu ông P và bà T trả tiền nợ hụi.

Buộc ông P và bà T phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền nợ hụi là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà O đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông P và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Bà O không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà O đã nộp là 375.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007069, ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Ông P và bà T phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt